TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:367/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiếu
2. Bà Lê Thị Ngọc Diệp

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Vũ - Thư ký Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa:* Bà Trần Lê Phượng - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 269/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 27, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Th, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 27, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 8 năm 2019, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh Ng trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn Th kết hôn với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xã L, huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế và đến năm 1997 về sống tại tổ 27, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống đến năm 2016 đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, không có sự hòa hợp trong cuộc sống, ông Th rượu chè về nhà đánh đập vợ con và dùng lời lẽ thô tục xúc phạm danh dự nhân phẩm bà. Nay bà không còn tình cảm với ông Th nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Văn Th.

- Về quan hệ con chung: Bà xác nhận vợ chồng có 02 con chung Trần Quốc A, sinh ngày 21/10/1995 và Trần Quốc Ý, sinh ngày 07/6/2005. Ly hôn,

bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Quốc Y và không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con Trần Quốc A đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyệt không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Bà xác nhận không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày nhưng ông Trần Văn Th không có mặt tại Tòa án nên không có bản tự khai.

**** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa:***

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Từ khi thụ lý đến trước thời điểm mở phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án viết bản khai và tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự như không đến Tòa án để tham gia phiên tòa.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ánh Ng, xử cho bà Ng được ly hôn với ông Trần Văn Th.

+ Về quan hệ con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Trần Quốc Y, sinh ngày 07/6/2005 cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con Trần Quốc A đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập đến.

+ Về tài sản chung: Bà Ng không yêu cầu giải quyết

+ Về nợ chung: Không có.

+ Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Trần Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Ánh Ng và ông Trần Văn Th kết hôn với nhau vào năm 1993, có đăng ký kết hôn số 10/1993 ngày 05 tháng 11 năm 1993 tại UBND xã L, huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông Th là hợp pháp. Sau khi kết hôn bà Ng và ông Th sống tại xã L, huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế, đến năm 1997 thì vợ chồng sinh sống

tại tổ 27, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Theo bà Ng, vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, ông Th thường xuyên uống rượu về nhà đánh đập bà, bà đã nhiều lần nhập viện và nhờ công an phường can thiệp. Đồng thời, ông Th còn dùng những lời lẽ thô tục xúc phạm danh dự nhân phẩm bà. Hiện nay, mặc dù vẫn còn sống chung cùng nhà nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay bà Ng nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Th.

Qua xác minh tại địa phương thì vợ chồng bà Ng và ông Th thường xuyên có lời qua tiếng lại, thường xảy ra xô xát, ông Th có hành vi đánh đập bà Ng và được chính quyền địa phương nhiều lần can thiệp. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ánh Ng và ông Trần Văn Th đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Đồng thời, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Th để hòa giải nhưng ông Th đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện ông Th không có thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình. Do vậy, nghĩ nên xử cho cho bà Ng được ly hôn ông Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] *Về con chung:* Bà Ng và ông Th có 02 con chung là Trần Quốc A, sinh ngày 21/10/1995 và Trần Quốc Y, sinh ngày 07/6/2005. Ly hôn, bà Ng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Quốc Y và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc giao con cho ai trông nom nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, hiện nay bà Ng là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Quốc Y. Đồng thời, nguyện vọng của cháu Y là muốn ở với bà Ng . Do vậy, nên giao cháu Y cho bà Ng được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Do bà Ng không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xét. Đối với con Trần Quốc A đã trưởng thành nên HĐXX không đề cập đến.

[4] *Về tài sản chung*: Bà Ng không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Bà Ng xác nhận không có.

[6] *Về án phí:* Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải chịu là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 , Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ánh Ng được ly hôn ông Trần Văn Th.

2.Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ánh Ng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Quốc Y, sinh ngày 07/6/2005. Ông Trần Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh Ng phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, bà Ng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000676 ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Ng đã nộp đủ tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

4. Bà Nguyễn Thị Ánh Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Trần Văn Th vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND Q. Cẩm Lệ;*
- *CCTHADS Q.Cẩm Lệ;*
- *TAND tp. Đà Nẵng;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Hằng